

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 226 /NMĐSH1-TM-TCHC
V/v cung cấp báo giá gói thầu SH2026-072
“Bảo hiểm xe cơ giới và xe phục vụ công việc
hành chính của NMĐ Sông Hậu 1”

Cần Thơ, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 có nhu cầu triển khai mua sắm gói thầu SH2026-072 “Bảo hiểm xe cơ giới và xe phục vụ công việc hành chính của NMĐ Sông Hậu 1”, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như các Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: theo văn bản thông báo của Bên mua.
3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 14 h00 ngày 06/02/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Hàng Thị Liên, Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpqb.vn; phongnd@pvpqb.vn; ngah1@pvpqb.vn;
longpx@pvpqb.vn; lienht@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu: VT, PTM (H. T. L.).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục 01 – Phạm vi công việc

(Đính kèm Công văn số 226 /NMĐSH1-TM-TCHC ngày 01 /01 /2026)

1. Yêu cầu về bảo hiểm

a. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (mức bảo hiểm thiệt hại về con người: 150 triệu đồng/người/vụ, mức bảo hiểm thiệt hại về tài sản: 100 triệu đồng/vụ) theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.

Bảo hiểm lái, phụ xe và người ngồi trên xe.

Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe.

b. Dịch vụ bảo hiểm và cung cấp trong Hồ sơ chào giá với các nội dung sau

STT	Yêu cầu bảo hiểm
1	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (mức bảo hiểm thiệt hại về con người: 150 triệu đồng/người/vụ, mức bảo hiểm thiệt hại về tài sản: 100 triệu đồng/vụ) theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.
2	Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe: Bảo hiểm cho những thiệt hại về thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe ô tô đang tham gia giao thông.
3	Bảo hiểm thiệt hại vật chất: Bảo hiểm bồi thường cho chủ xe ô tô những thiệt hại vật do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau: • Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô, bị các vật thể khác rơi vào, hành động ác ý không phải của Chủ xe. • Hỏa hoạn, cháy, nổ. • Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra. • Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp. Ngoài ra, đơn vị bảo hiểm phải thanh toán những chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm các chi phí: • Chi phí nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm. • Chi phí cứu hộ, vận chuyển xe ô tô bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất. • Chi phí giám định.

STT	Yêu cầu bảo hiểm
4	Mức miễn thường có khấu trừ: 500.000 đồng/vụ tổn thất/xe
5	Thời gian và địa điểm thực hiện trách nhiệm bảo hiểm: Đơn vị bảo hiểm có trách nhiệm cử cán bộ đến hiện trường hoặc hướng dẫn Chủ xe/Người được bảo hiểm/Đại diện hợp pháp của chủ xe thực hiện các công việc giải quyết ban đầu trong vòng 02 giờ để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại khi nhận được thông báo về thiệt hại và tổn thất.
6	Thời hạn thanh toán bảo hiểm: Đơn vị bảo hiểm xem xét, giải quyết và thanh toán tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ và không kéo dài quá 30 ngày làm việc trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ. Mức bồi thường thiệt hại theo kết quả của đơn vị giám định độc lập.

Phụ lục 2: Danh sách các xe mua bảo hiểm
(Đính kèm Công văn số 226 /NMDSH1-TM-TCHC ngày 02 /02 /2026)

ST T	THÔNG TIN XE					HIỆU LỰC BẢO HIỂM		Giá trị tại thời điểm mua xe (đồng)
	Biển kiểm soát	Số khung/ Số máy	Hiệu xe	Năm sử dụng	Số năm sử dụng	Ngày đầu	Ngày cuối	
1	29B-427.99	RM8K312BKK2000010 /DL08S713619BC	SAMCO 47 chỗ	14/11/2019	7	28/02/2025	28/02/2026	2.507.334.090
2	30L-035.21	RL4YX59G4F9019362/ 2TR7970012	TOYOTA 7 chỗ	2015	11	26/03/2025	26/03/2026	1.096.109.091
3	29B-428.65	3672BV009108/ 198170123818	MERCEDES 16 chỗ	2012	14	22/05/2025	22/05/2026	878.920.000
4	29B-422.41	RNHTCB29DBC07661 2/D4DDA454590	THACO29 chỗ	14/06/2011	15	16/06/2025	16/06/2026	891.927.273
5	29B-423.01	RM8K312BKK2000009 /DL08S815637BC	SAMCO 47 chỗ	07/01/2020	6	22/06/2025	22/06/2026	2.507.334.090
6	30L-025.00	RL4YX59G- 099002109/ 2TR-6785968	TOYOTA 7 chỗ	14/10/2009	17	11/10/2025	11/10/2026	825.867.713
7	30L- 193.11	MMBGUKS10PH01135 9/ 4N15UKD7689	MITSUBISHI 7 chỗ	31/07/2024	2	31/07/2025	31/07/2026	1.312.616.253
8	30L-882.73	MMBGUKS10PH01119 1/4N15UKD5774	MITSUBISHI 7 chỗ	10/12/2024	2	11/12/2025	11/12/2026	1.312.616.253
9	95C-039.37	RNJFG8J7HXX10020/ J08E-WE10109	HINO	2017	9	05/03/2025	05/03/2026	5.355.350.000
10	95C-037.25	RNJFG8J7HXX10026/ J08E-WE10126	HINO	2017	9	05/03/2025	05/03/2026	5.355.350.000

ST T	THÔNG TIN XE						HIỆU LỰC BẢO HIỂM		Giá trị tại thời điểm mua xe (đồng)
	Biển kiểm soát	Số khung/ Số máy	Hiệu xe	Năm sử dụng	Số năm sử dụng		Ngày đầu	Ngày cuối	
11	95A-076.83	KMJWA37RAMU1911 73/G4KGM12D010765	HYUNDAI STAREX	2021	5		05/03/2025	05/03/2026	691.000.000
12	29K-103.72	RNHF99FACRT090612 / 4DW9395E4B0576951	FORLANDTHAC O FD990	2024	2		14/05/2025	14/05/2026	546.963.769
13	29K-104.59	RNHF99FACRT0 90608/ 4DW9395E4B0576950	FORLANDTH ACO FD990	2024	2		14/05/2025	14/05/2026	546.963.769
14	29CD-027.01	SEM00822TS8T0 1332/ WD12G240E2061124S0 00954	SEM822D CH	01/07/2025	1		07/07/2025	07/07/2026	4.914.000.000
15	29CD-027.38	CAT003 26CHFF3 0009/ E7A64295	CATERPILLAR 326	01/07/2025	1		07/07/2025	07/07/2026	4.914.000.000
16	29CD-027.79	CAT00326HHFF30010/ E7A64298	CATERPILLAR 326	24/04/2025	1		07/07/2025	07/07/2026	4.069.636.363
17	95C-056.46	RNHD10FAAKC0 07505/4DW9395E 4B03 21804	FORLAND THACO FD500	30/03/2021	5		11/08/2025	11/08/2026	479.000.000

